SỞ Y TẾ SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MỸ TÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

Gói số 2: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
1	MTD2.01	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).		Uống	Viên	Viên	21.000			21.000	280	2	12 tháng	58.800
2	MTD2.02	Bạch chỉ, Tân di hoa, Thương nhĩ tử, Tinh dầu Bạc hà.		Uống	Viên nang	Viên	20.000			20.000	1.150	2	12 tháng	230.000
3	MTD2.03	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa).		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	30.000		30.000	60.000	3.500	2	12 tháng	2.100.000
4	MTD2.04	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu.		Uống	Viên hoàn cứng	Gói	1.000			1.000	3.750	2	12 tháng	37.500

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
5	MTD2.05	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).		Uống	Viên nang	Viên	20.000			20.000	1.000	2	12 tháng	200.000
6	MTD2.06	Bìm bìm biếc, Phan tả diệp, Đại hoàng, Chỉ xác, Cao mật heo.		Uống	Viên	Viên	3.000			3.000	630	2	12 tháng	18.900
7	MTD2.07	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ.		Uống	Viên nang	Viên	2.000			2.000	2.250	2	12 tháng	45.000
8	MTD2.08	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.		Uống	Viên nang	Viên	3.000		1.000	4.000	4.900	2	12 tháng	196.000
9	MTD2.09	Cao xương hỗn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa.		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	30.000		76.000	106.000	3.500	2	12 tháng	3.710.000
10	MTD2.10	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch huyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa)		Uống	Viên nang	viên	4.000			4.000	2.700	2	12 tháng	108.000
11	MTD2.11	Chè dây.		Uống	Viên nang	Viên	20.000			20.000	800	2	12 tháng	160.000
12	MTD2.12	Địa liền, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	1.000		2.000	3.000	41.000	2	12 tháng	1.230.000

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
13	MTD2.13	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.		Uống	Viên	Viên	12.000		23.000	35.000	610	2	12 tháng	213.500
14	MTD2.14	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nồi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ).		Uống	Viên	Viên	10.000			10.000	968	2	12 tháng	96.800
15	MTD2.15	Diệp hạ châu.		Uống	Viên nang	Viên	21.000			21.000	452	2	12 tháng	94.920
16	MTD2.16	Diệp hạ châu/ Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.		Uống	Viên nang	Viên	24.000			24.000	1.950	2	12 tháng	468.000
17	MTD2.17	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).		Uống	Viên	Viên	150.000		243.000	393.000	195	2	12 tháng	766.350
18	MTD2.18	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo.		Uống	Viên nang	Viên	70.000		2.200	72.200	3.035	2	12 tháng	2.191.270
19	MTD2.19	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm).		Uống	Viên nang	Viên	66.000		87.000	153.000	920	2	12 tháng	1.407.600

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
20	MTD2.20	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm).		Uống	Viên hoàn cứng	Gói	7.000			7.000	4.000	2	12 tháng	280.000
21	MTD2.21	Đương quy, Bạch quả.		Uống	Viên nang	Viên	70.000			70.000	1.430	2	12 tháng	1.001.000
22	MTD2.22	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.		Uống	Viên nang	Viên	14.000		32.000	46.000	1.350	2	12 tháng	621.000
23	MTD2.23	Đương quy, Đỗ trọng, Cẩu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ.		Uống	Viên	Viên	30.000			30.000	4.500	2	12 tháng	1.350.000
24	MTD2.24	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).		Uống	Viên	Viên	40.000			40.000	834	2	12 tháng	333.600
25	MTD2.25	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.		Uống	Viên	Viên	14.000			14.000	1.260	2	12 tháng	176.400

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
26	MTD2.26	Húng chanh, Núc nác, Cineol.		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	80.000		118.000	198.000	2.100	2	12 tháng	4.158.000
27	MTD2.27	Huyền hồ sách, Mai mực, Phèn chua.		Uống	Viên nang	Viên	32.000			32.000	1.150	2	12 tháng	368.000
28	MTD2.28	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.		Uống	Viên nang	Viên	6.000		30.000	36.000	1.190	2	12 tháng	428.400
29	MTD2.29	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện.		Uống	Viên hoàn cứng	Gói	15.000		45.000	60.000	4.000	2	12 tháng	2.400.000
30	MTD2.30	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).		Uống	Viên nang	Viên	1.000		2.500	3.500	500	2	12 tháng	17.500
31	MTD2.31	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược.		Uống	Viên	Viên	2.000		20.000	22.000	900	2	12 tháng	198.000
32	MTD2.32	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn bì, Đại hoàng.		Uống	Viên nang	Viên	20.000			20.000	2.780	2	12 tháng	556.000
33	MTD2.33	Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng.		Uống	Viên	Viên	30.000			30.000	1.365	2	12 tháng	409.500
34	MTD2.34	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.		Uống	Viên nang	Viên	20.000			20.000	1.490	2	12 tháng	298.000
35	MTD2.35	Kim tiền thảo.		Uống	Viên	Viên	50.000		53.000	103.000	190	2	12 tháng	195.700

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
36	MTD2.36	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh.		Uống	Viên nang	Viên			16.000	16.000	2.200	2	12 tháng	352.000
37	MTD2.37	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).		Uống	Viên	Viên	44.000		49.000	93.000	1.260	2	12 tháng	1.171.800
38	MTD2.38	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor.		Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	Chai/lọ	300			300	40.000	2	12 tháng	120.000
39	MTD2.39	Long não/Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, (Methyl salycilat), (Menthol/Eucalyptol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng).		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ /Túi	3.500			3.500	27.825	2	12 tháng	973.875
40	MTD2.40	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất).		Uống	Viên nang	Viên	90.000		95.000	185.000	840	2	12 tháng	1.554.000
41	MTD2.41	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật.		Uống	Viên	Viên	30.000			30.000	1.050	2	12 tháng	315.000
42	MTD2.42	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì).		Uống	Viên	Viên	65.000		68.000	133.000	113	2	12 tháng	150.290
43	MTD2.43	Men bia ép tinh chế.		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhủ dịch uống	Ống			20.000	20.000	2.478	2	12 tháng	495.600
44	MTD2.44	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).		Uống	Viên	Viên	9.000			9.000	899	2	12 tháng	80.910

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
45	MTD2.45	Nhân sâm, Lộc nhung, Đương quy, Đỗ trọng, Thục địa, Phục linh, Ngưu tất, Xuyên khung, Hà thủ ô đỏ, Ba kích, Nhục thung dung, Sơn thủ, Bạch truật, Kim anh, Nhục quế, Cam thảo.		Uống	Viên nang	Viên	10.000		9.500	19.500	1.350	2	12 tháng	263.250
46	MTD2.46	Nhân sâm, Tam thất.		Uống	Viên	Viên	5.000		8.000	13.000	1.200	2	12 tháng	156.000
47	MTD2.47	Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa nhân, Mộc hương, (Gừng tươi/Sinh khương).		Uống	Viên	Viên	12.000			12.000	750	2	12 tháng	90.000
48	MTD2.48	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).		Uống	Viên	Viên			3.000	3.000	900	2	12 tháng	27.000
49	MTD2.49	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc thông).		Uống	Viên nang	Viên	50.000		3.500	53.500	2.780	2	12 tháng	1.487.300
50	MTD2.50	Ô đầu, Địa liền, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng).		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	3.000			3.000	23.100	2	12 tháng	693.000

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
51	MTD2.51	Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà.		Uống	Viên nang	Viên	6.000			6.000	1.150	2	12 tháng	69.000
52	MTD2.52	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỷ tử/Câu kỷ tử, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao).		Uống	Viên	Viên	6.000		13.000	19.000	2.200	2	12 tháng	418.000
53	MTD2.53	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.		Uống	Viên nang	Viên	30.000		91.000	121.000	1.900	2	12 tháng	2.299.000
54	MTD2.54	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.		Uống	Viên hoàn cứng	Gói	50.000		45.000	95.000	4.900	2	12 tháng	4.655.000
55	MTD2.55	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.		Uống	Viên nang	Viên	4.000			4.000	2.500	2	12 tháng	100.000
56	MTD2.56	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.		Uống	Viên nang	Viên	4.000			4.000	920	2	12 tháng	36.800

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
57	MTD2.57	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.		Uống	Viên nang	Viên	7.000			7.000	750	2	12 tháng	52.500
58	MTD2.58	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.		Uống	Viên nang	Viên	39.000		21.200	60.200	609	2	12 tháng	366.618
59	MTD2.59	Thục địa, Táo nhục, Củ súng, Thạch hộc, Hoài sơn, Tỳ giải.		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi			2.400	2.400	5.500	2	12 tháng	132.000
60	MTD2.60	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa).		Uống	Viên nang	Viên	10.000			10.000	1.260	2	12 tháng	126.000
61	MTD2.61	Tinh dầu tràm, (Mỡ trăn), (Nghệ).		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/tu be	100		100	200	14.175	2	12 tháng	28.350
62	MTD2.62	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.		Uống	Viên	Viên	12.000		1.300	13.300	2.390	2	12 tháng	317.870
63	MTD2.63	Tỏi, Nghệ.		Uống	Viên	Viên	22.000		12.000	34.000	546	2	12 tháng	185.640
64	MTD2.64	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chỉ xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương.		Uống	Viên nang	Viên	30.000			30.000	3.000	2	12 tháng	900.000

T T	Mã thuốc	Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng (nếu có)	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	NTBV/ QTBV	TYT XÃ	TỔNG CỘNG				
65	MTD2.65	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol (Menthol).		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	4.000		8.000	12.000	23.100	2	12 tháng	2.772.000
		Cộng 65 mặt hàng												-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ